

Bản án số: 124/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Đỗ Ngọc Sơn.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

+ Bà Nguyễn Thị Mai

+ Ông Nguyễn Văn Miên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn B, xã Ph, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Phùng Khắc Th**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn B, xã Ph, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào đơn khởi kiện, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Năm 2010, chị và anh Phùng Khắc Th kết hôn do hai bên tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn ngày 20/01/2010 tại UBND xã Ph.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th không quan tâm đến gia đình, thường xuyên đàn đúm vui chơi bạn bè. Chị T đã khuyên ngăn anh Th nhiều lần nhưng anh Th vẫn không thay đổi. Mẹ anh Th có biết chuyện nhưng cũng không khuyên bảo anh Th mà còn chỉ trích chị T. Hai vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống được khoảng hơn một năm. Sau đó, trong đám tang của dì anh Th, anh Th đã xin chị về ở với con cái và hứa sẽ thay đổi nên chị đồng ý cho anh Th cơ hội. Tuy nhiên, quá trình chung sống sau đó anh Th không thay đổi mà vẫn chứng nào tật

đấy. Đến ngày 22/11/2019 sau nhiều lần anh Th bắt chị đi vay tiền để anh Th vui chơi bạn bè, chị không đồng ý vay tiền cho anh Th thì mẹ anh Th đuổi chị ra khỏi nhà. Vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay và không quan hệ tình cảm vợ chồng nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ chung sống với anh Th được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có hai con chung là: Phùng Thị B, sinh ngày 01/8/2011, Phùng Khắc T1, sinh ngày 07/11/2013. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì cháu B và cháu T1 sống với anh Th. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và giao cháu T1 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng nếu các cháu đều muốn ở với bố thì chị cũng tôn trọng nguyện vọng của con, đồng ý để anh Th nuôi cả hai cháu. Trường hợp anh Th nuôi cả hai con thì chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th mỗi tháng 1.500.000 đồng cho cả hai cháu (Mỗi cháu một tháng 750.000 đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Lý do chị chỉ cấp dưỡng được mức 1.500.000 đồng vì hiện tại chị đi làm thuê mỗi tháng thu nhập bình quân được có 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phùng Khắc Th đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Th không có văn bản trình bày ý kiến và không đến Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh Th.

Tại biên bản lấy lời khai bà Phùng Thị L (mẹ anh Phùng Khắc Th) trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Phùng Khắc Th, sinh năm 1983 và là mẹ chồng của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981. Theo bà L anh Th và chị T tự nguyện kết hôn tại UBND xã Ph, thời gian chính xác bà không nhớ, bà có tổ chức đám cưới cho anh chị.

Sau khi kết hôn anh Thi và chị T sinh sống với bà tại thôn B, xã Ph, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, anh chị không có mâu thuẫn gì to mà chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Anh chị cứ cãi nhau là chị T bỏ đi. Một lần chị T bỏ đi một năm rưỡi mới về sống chung được một thời gian thì chị T lại bỏ đi. Từ khoảng năm 2019 đến nay chị T bỏ đi không về và để lại hai con là cháu B và cháu T1 cho bà nuôi mà không chu cấp, không chăm nom các cháu. Bà đã khuyên anh chị nhiều lần là để chị T về chăm sóc con nhưng chị T vẫn không chịu về. Nay chị T xin ly hôn anh Th thì bà không có ý kiến gì. Nếu anh chị ly hôn, anh chị có hai cháu bà chăm sóc từ bé nên các cháu muốn ở với ai là quyền của các cháu. Nếu các cháu muốn ở với bà và bố thì bà cũng đồng ý. Anh Th cũng có ý kiến giống bà nhưng anh Th bận rộn công việc không thể về Tòa án để làm việc. Anh chị đã ly thân từ năm 2018 cho tới nay nên không còn tình cảm gì.

Anh Th ban ngày đi làm đến tối thì vẫn về nhà tại thôn B với ba bà cháu. Bà L ở nhà chăm cháu nếu nhận được văn bản tố tụng từ tòa án và nhận trách nhiệm giao lại cho anh Th.

Tại văn bản trình bày ý kiến của con chung: Cháu Phùng Thị B- sinh ngày 01/8/2011 và cháu Phùng Khắc T1- sinh ngày 07/11/2013 đều có nguyện vọng tiếp tục sống với anh Th và bà nội.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về trình tự thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, để xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phùng Khắc Th.

Về nuôi con chung:

Giao cháu Phùng Thị B- sinh ngày 01/8/2011 và cháu Phùng Khắc T1- sinh ngày 07/11/2013 cho anh Phùng Khắc Th trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng nuôi con chung với anh Th mỗi tháng 1.500.000 đồng cho cả hai cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chị T và anh Th không yêu cầu nên không phải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Anh Phùng Khắc Th có hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại xã Ph, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội nên chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn (anh Phùng Khắc Th) đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]- Về hôn nhân: Anh Phùng Khắc Th và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph ngày 20/01/2010, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh Th mãi chơi, không quan tâm đến gia đình, thậm chí anh Th còn bắt chị T đi vay tiền để chơi bời bạn bè. Vì đã cho anh Th cơ hội nhiều lần để sửa đổi nhưng anh Th hứa hẹn mà không thay đổi, từ khoảng cuối năm 2019, do không chịu đựng được nữa nên chị T đã về nhà bố mẹ để sinh sống cho đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó. Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết và xin được ly hôn anh Th.

Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Th để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đương sự nhưng anh Th vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh Th cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và cho thấy anh

Th không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Tám. Do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do chị T cung cấp, hiện chị T và anh Th không còn sống cùng một nơi đã gần 4 năm, xét tình hình trạng quan hệ vợ chồng giữa anh Th và chị T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt. Do vậy, chị T xin ly hôn anh Th là phù hợp Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]- Về nuôi con chung: Chị T và anh Th có hai con chung là: Phùng Thị B, sinh ngày 01/8/2011 và Phùng Khắc T1, sinh ngày 07/11/2013.

Từ khi chị T và anh Th sống ly thân đến nay thì các con sống chung với anh Th. Nguyên vọng của cháu B và cháu T1 muốn được tiếp tục sống với bố. Chị T cũng tôn trọng ý kiến của các con nên đồng ý để các con chung tiếp tục ở với bố.

Để đảm bảo quyền lợi của con chung, cũng như tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống sinh hoạt của cháu B và cháu T1 nên ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị T: tiếp tục giao cháu Phùng Thị B và cháu Phùng Khắc T1 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung với anh Th mỗi tháng 1.500.000 đồng (Mỗi cháu một tháng 750.000 đồng). Xét thấy, mức cấp dưỡng trên là phù hợp với mức thu nhập của chị T và thể hiện được trách nhiệm, nghĩa vụ của mẹ đối với các con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]- Về chia tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản và anh Th cũng không có ý kiến đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

[6]- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phùng Khắc Th.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phùng Khắc Th có hai con chung là: Phùng Thị B, sinh ngày 01/8/2011 và Phùng Khắc T1, sinh ngày 07/11/2013.

Giao cả hai con chung là cháu Phùng Thị B, sinh ngày 01/8/2011 và cháu Phùng Khắc T1, sinh ngày 07/11/2013 cho anh Phùng Khắc Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thay đổi khác.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi hai con chung với anh Phùng Khắc Th mỗi tháng một cháu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng hai cháu là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phùng Khắc Th không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất theo biên lai số 0025447 ngày 18/7/2022. Chị T còn phải nộp tiếp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí.

5. Về quyền kháng: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã Ph;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Sơn

